TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2025/DS-ST
Ngày: 22/6/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Sanh

- Bà Phan Thị Huệ

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 519/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 519/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H – Sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: 3 N, phường H, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết H1. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 3 đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn nội dung vụ án như sau:

Bà Phạm Thị H có cho bà Nguyễn Thị Tuyết H1 vay số tiền 450.000.000 đồng. Việc cho vay làm hai lần và có viết giấy mượn tiền. Cụ thể, ngày 21/02/2023 bà H cho bà H1 vay số tiền 350.000.000 đồng; Ngày 18/3/2023, bà H tiếp tục cho bà H1 vay số tiền 100.000.000 đồng, không có thời hạn trả. Tại giấy mượn tiền không có thoả thuận lãi.

Từ tháng 6/2023 đến nay, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H1 trả lại tiền nhưng bà H1 không trả.

Nay bà Phạm Thị H khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị Tuyết H1 phải trả cho bà số tiền gốc là: 450.000.000 đồng. Tiền lãi là 295.000.000 đồng. Trong đó:

+ Tiền lãi đối với khoản vay 350.000.000 đồng, tính từ ngày 21 tháng 02 năm 2023 đến ngày 30/12/2025, lãi suất 2%/tháng là: 33 tháng x 7.000.000 đồng = 231.000.000 đồng.

+ Tiền lãi đối với khoản vay 100.000.000 đồng, tính từ ngày 18 thàng 04 năm 2023 đến ngày 30/12/2025, lãi suất 2%/tháng là: 32 tháng x 2.000.000 đồng = 64.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi, chỉ yêu cầu bà H1 trả lại số nợ gốc 450.000.000 đồng. Bà H không đồng ý với trình bày của bị đơn trong quá trình hòa giải về việc đã trả lãi, và trả nợ gốc 254.000.000 đồng cũng như phương án trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết H1 vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 10/3/2026, bà H1 trình bày thừa nhận ngày 21/02/2023 và ngày 18/3/2023, bà H1 có vay của bà Phạm Thị H tổng số tiền 450.000.000 đồng. Bà H1 có viết hai giấy mượn tiền, không thoả thuận lãi, nhưng thực tế có trả tiền lãi hàng ngày theo mức lãi suất 72%/năm. Bà H1 có trả tiền lãi cho bà H hàng ngày, trả bằng tiền mặt. Nhưng sau đó vì khó khăn nên bà H1 có xin bà H miễn lãi, và bà H chấp nhận miễn lãi từ tháng 6/2023. Ngoài ra, bà H1 có trả cho bà H tiền gốc làm nhiều lần, với tổng số tiền 254.000.000 đồng. Bà trả gốc thông qua chuyển khoản ngân hàng, bà sẽ sao kê tài khoản và nộp cho Toà. Nay bà H1 chỉ đồng ý trả lại cho bà H 196.000.000 đồng; V xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ gốc trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai, do đó HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 295.000.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện do đó HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tiền lãi.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Phạm Thị H đã cung cấp cho Tòa án 02 giấy mượn tiền do bà Nguyễn Thị Tuyết H1 viết ngày 21/02/2023 và ngày 18/3/2023. Theo nội dung 02 giấy mượn tiền, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 có vay bà Phạm Thị H tổng số tiền 450.000.000 đồng (ngày 21/02/2023 vay 350.000.000 đồng, ngày 18/3/2023 vay 100.000.000 đồng), không có nội dung thỏa thuận lãi và không có thời hạn trả cụ thể. HĐXX nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thừa nhận 02 giấy mượn tiền nêu trên. Do đó, có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản và hợp đồng này thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 450.000.000 đồng: HĐXX xét thấy, giấy mượn tiền không thỏa thuận thời hạn trả, bà H1 cam kết khi nào bà H cần lấy lại số tiền trên thì bà sẽ trả, báo trước một tháng. Tuy nhiên, từ tháng 6/2023 đến nay mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H1 trả lại số tiền 450.000.000 đồng nhưng bà H1 vẫn không thực hiện. Bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với bà H theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với trình bày của bị đơn tại phiên hòa giải ngày 10/3/2026 về việc bà H1 có trả cho bà H tiền gốc làm nhiều lần, với tổng số tiền 254.000.000 đồng, thông qua chuyển khoản ngân hàng, bà H1 không thực hiện sao kê tài khoản hoặc nộp cho Toà án các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc trả tiền, nên HĐXX không có cơ sở xem xét. Từ các nhận trên, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với bà Nguyễn Thị Tuyết H1, về yêu cầu số tiền lãi 295.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với bà Nguyễn Thị Tuyết H1.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết H1 phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền 450.000.000 đồng. (Bốn trăm năm mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) bà Nguyễn Thị Tuyết H1 phải chịu.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận:</u>
- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 1 – Đà Nẵng;*
- *Phòng THADS khu vực 1 – ĐN;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Thủy